

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 28/2022/TLST-HNGĐ ngày 11/02/2022, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị C, sinh năm 1952. Nơi cư trú: Khu phố K 2, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- *Bị đơn*: Ông Trương Văn T, sinh năm 1948. Nơi cư trú: Khu phố K 2, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Ông Trương Thái H3, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Khu phố K 2, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

+ Bà Trương Thị Như H2, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Khu phố K 2, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

+ Ông Trương Minh H sinh năm 1980. Nơi cư trú: Khu phố Kh2, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

+ Ông Trương Hữu H1, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Khu phố Kh2, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 59, Điều 60, Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 9 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 9 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị C và ông Trương Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Đã thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung:

1. Về quyền sử dụng đất:

- Bà Lê Thị C được quyền quản lý, sử dụng diện tích 650m^2 , là một phần thửa đất số 56 (Chỉnh lý từ thửa đất số 04), tờ bản đồ 15-3, địa chỉ tại Khu phố K 2, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

* Diện tích 650m^2 (ký hiệu BCDE trên trích lục bản đồ địa chính) có vị trí tứ cận như sau:

+ Cạnh hướng Đông 82,57m (CD): Giáp thửa đất số 57;

+ Cạnh hướng Tây 84,19m (BE): Giáp phần còn lại của thửa đất số 56 (phần đất ông Trương Văn T được chia);

+ Cạnh hướng Nam 5,24m (DE): Giáp thửa đất số 41;

+ Cạnh hướng Bắc 10,69m (BC): Giáp đường đi;

- Ông Trương Văn T được quyền quản lý, sử dụng diện tích 878m^2 , là một phần của thửa đất số 55, 56 (Chỉnh lý từ thửa đất số 04), tờ bản đồ số 15-3, địa chỉ tại Khu phố K 2, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

* Diện tích 878m^2 (ký hiệu ABEFML trên trích lục bản đồ địa chính) có vị trí tứ cận như sau:

+ Cạnh hướng Đông 84,19m (BE): Giáp phần còn lại của thửa đất số 56 (phần đất bà Lê Thị C được chia);

+ Cạnh hướng Tây 66,50m (AL) + 14,28m (LM) + 6,87m (MF): Giáp thửa đất số 51 của bà Trương Thị Như H2 và giáp phần còn lại của thửa đất số 55 (phần đất tặng cho ông Trương Thái H3 252m^2);

+ Cạnh hướng Nam 3,19m (EF): Giáp đường đi;

+ Cạnh hướng Bắc 6,07m + 5,32m (AB): Giáp đường đi;

(Kèm theo sơ đồ trích lục bản đồ địa chính ngày 21/9/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận – Chi nhánh Ninh Hải).

2. Về tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất:

- Tài sản là cây trồng trên đất nằm ở phần đất bên nào được chia thì bên đó được hưởng, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án chia.

- Đối với 03 máy bơm nước và 01 máy xịt thuốc: Ông Trương Văn T được nhận 02 máy bơm nước (cụ thể 01 máy bơm ở chòi cũ và 01 máy ở giếng) còn lại 01 máy bơm và 01 máy xịt thuốc bà Lê Thị C nhận.

- Đối với căn nhà ông Trương Minh H xây trên thửa đất số 55, 56 bà C, ông T thống nhất mỗi người phải trả lại cho ông H 50% giá trị theo định giá của Tòa án. Cụ thể mỗi người phải trả lại cho ông Trương Minh H 12.231.000 đồng. Nếu nhà đất nằm giữa ranh đất hai bên được chia thì các bên tự tháo dỡ để thi H2nh án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Trương Minh H có đơn yêu cầu thi H2nh án mà bà Lê Thị C, ông Trương Văn T không trả đủ số tiền nêu trên thì

phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả là 10%/năm.

- Đối với căn nhà, chòi cũ, mương dẫn nước bà C đang sử dụng trên thửa đất số 55, 56 (giáp thửa đất số 51) giá trị không đáng kể nên các bên tự tháo dỡ không yêu cầu Tòa án chia.

3. Công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa vợ chồng bà Lê Thị C, ông Trương Văn T và ông Trương Thái H3 đối với diện tích đất 252m², là một phần của thửa đất số 55 (Chỉnh lý từ thửa đất số 04), tờ bản đồ số 15-3, địa chỉ tại Khu phố K 2, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Ông Trương Thái H3 được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 252m²; là một phần của thửa đất số 55 (Chỉnh lý từ thửa đất số 04), tờ bản đồ số 15-3, địa chỉ tại Khu phố K 2, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận và tài sản gắn liền với đất.

* Diện tích 252m² (ký hiệu LMFGHJK trên trích lục bản đồ địa chính) có vị trí tứ cận như sau:

+ Cạnh hướng Đông 14,28m (LM) + 6,87m (MF): Giáp phần còn lại của thửa đất số 55 (phần đất ông Trương Văn T được chia);

+ Cạnh hướng Tây 24,89m (JH) + 1,42m (HG): Giáp thửa đất số 255;

+ Cạnh hướng Nam 2,99m + 4,04m (FG): Giáp thửa đất số 42;

+ Cạnh hướng Bắc 17,30m (JKL): Giáp thửa đất số 51 của bà Trương Thị Như H2;

(Kèm theo sơ đồ trích lục bản đồ địa chính ngày 21/9/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận – Chi nhánh Ninh Hải).

- Bà Lê Thị C, ông Trương Văn T và ông Trương Thái H3 có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chỉnh lý biến động giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Trương Văn T và bà Lê Thị C thống nhất mỗi bên chịu 50% số tiền chi phí 4.119.000 đồng. Bà C đã thanh toán đủ nên ông T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà C số tiền 2.059.500 đồng (*Hai triệu không trăm năm mươi chín nghìn năm trăm đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Lê Thị C có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Trương Văn T không trả đủ số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả là 10%/năm.

- Về án phí: Bà Lê Thị C và ông Trương Văn T là người cao tuổi, thuộc trường hợp miễn nộp án phí theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nên không xem xét.

Ông Trương Thái H3 phải nộp số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0007000 ngày

12/9/2022 của Chi cục thi H2nh án dân sự huyện Ninh Hải. Trả lại cho ông Trương Thái H3 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền chênh lệch.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban H2nh và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Hải;
- CCTHADS huyện Ninh Hải;
- UBND TT Khánh Hải;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Nghiêm